

Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQ15).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 1).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 2).
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trong Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 3).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQH15): Suối phía Đông dự án, thuộc xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai.
- Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 1): Mương phía Đông dự án, thuộc xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai.
- Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 2): Mương phía Bắc dự án, thuộc xã Ia băng, tỉnh Gia Lai.
- Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 3): Mương phía Đông Nam dự án, thuộc xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQH15): tọa độ điểm xả nước thải: $X = 1.549.078$; $Y = 497.978$ (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).
- Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 1): tọa độ điểm xả nước thải: $X = 1.539.833$; $Y = 483.303$ (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).
- Khu tái định cư xã Ia Băng (Vị trí 2): tọa độ điểm xả nước thải: $X = 1.537.604$; $Y = 479.161$ (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

- Khu tái định cư xã Ia Bông (Vị trí 3): tọa độ điểm xả nước thải: $X = 1.537.916$; $Y = 478.702$ (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQH15): $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Khu tái định cư xã Ia Bông (Vị trí 1): $19 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Khu tái định cư xã Ia Bông (Vị trí 2): $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Khu tái định cư xã Ia Bông (Vị trí 3): $24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Ghi chú: Công trình xử lý nước thải của từng khu tái định cư được phân kỳ đầu tư thành 02 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1: Xây dựng bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (có khử trùng, khử mùi) với công suất xử lý bằng 50% lượng xả thải của toàn dự án, hoàn thành trước khi bàn giao cho địa phương quản lý.*

- *Giai đoạn 2: Nâng công suất công trình xử lý nước thải đạt 100% lưu lượng xả nước thải của toàn dự án, hoàn thành khi tại mỗi khu tái định cư có lượng nước thải phát sinh đạt 80% công suất xả thải của giai đoạn 1.*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về bể xử lý nước thải tập trung, Hệ thống thu gom nước thải của dự án là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước mưa, bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi hộ gia đình, sau đó theo đường ống HDPE D300 dọc các tuyến đường nội bộ, dẫn về bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (có khử trùng, khử mùi) của khu tái định cư để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi hộ gia đình, sau đó theo đường ống HDPE D300 dọc các tuyến đường nội bộ, dẫn về bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (có khử trùng, khử

ST T	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Giai đoạn 1 (áp dụng đối với 4 dòng thải tại 4 khu tái định cư): QCVN 98:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ				
1	pH	-	5-9	Không	Không
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 70		
5	Tổng Ni-tơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
6	Tổng Phốt-pho (T-P)	mg/l	≤ 8		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 20		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
II	Giai đoạn 2:				
II.1	Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 1) và Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 2): QCVN 98:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ				
1	pH	-	5-9	Không	Không
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 70		
5	Tổng Ni-tơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
6	Tổng Phốt-pho (T-P)	mg/l	≤ 8		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 20		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
II.2	Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQH15) và Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 3): QCVN14:2025/BNNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung				
1	pH	-	5-9	Không	Không

2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 30		
3	COD	mg/l	≤ 60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 100		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 8,0		
6	Tổng Ni-tơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt-pho (T-P)	mg/l	-		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
9	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5		

mùi) của khu tái định cư để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi hộ gia đình, sau đó theo đường ống HDPE D300 dọc các tuyến đường nội bộ, dẫn về bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (có khử trùng, khử mùi) của khu tái định cư để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi hộ gia đình, sau đó theo đường ống HDPE D300 dọc các tuyến đường nội bộ, dẫn về bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (có khử trùng, khử mùi) của khu tái định cư để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải → Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (tại mỗi hộ gia đình) → Ngăn tách dầu → Ngăn chứa (ngăn kỵ khí) → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Ngăn khử trùng (sử dụng viên chlorine đặt trên đường ống) → Môi trường tiếp.

+ Thông số thiết kế bể tự hoại 05 ngăn (giai đoạn 1):

TT	Hạng mục công trình	Kích thước bể (m)			Thể tích ngăn (m³)
		Chiều dài L (m)	Chiều rộng B (m)	Chiều cao xây dựng H (m)	
I	Khu tái định cư xã Mang Yang (khu quy hoạch OQH15)				

1	Ngăn tách dầu (ngăn gom)	2,4	1,2	3,4	9,79
2	Ngăn kỵ khí (ngăn chứa)	2,4	2,1	3,4	17,14
3	Ngăn lắng	2,4	1,4	3,4	11,42
4	Ngăn lọc	2,4	1,6	3,4	13,06
5	Ngăn khử trùng	2,4	1,2	3,4	9,79
II Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 1)					
1	Ngăn tách dầu (ngăn gom)	2,2	1,0	2,8	6,16
2	Ngăn kỵ khí (ngăn chứa)	2,2	1,9	2,8	11,70
3	Ngăn lắng	2,2	1,2	2,8	7,39
4	Ngăn lọc	2,2	1,4	2,8	8,62
5	Ngăn khử trùng	2,2	1,0	2,8	6,16
III Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 2)					
1	Ngăn tách dầu (ngăn gom)	2,0	0,8	2,0	3,20
2	Ngăn kỵ khí (ngăn chứa)	2,0	1,7	2,0	6,80
3	Ngăn lắng	2,0	1,0	2,0	4,00
4	Ngăn lọc	2,0	1,2	2,0	3,20
5	Ngăn khử trùng	2,0	0,8	2,0	3,20
IV Khu tái định cư xã Ia Bàng (Vị trí 3)					
1	Ngăn tách dầu (ngăn gom)	2,5	1,0	3,0	7,5
2	Ngăn kỵ khí (ngăn chứa)	2,5	1,9	3,0	14,25
3	Ngăn lắng	2,5	1,2	3,0	9,00
4	Ngăn lọc	2,5	1,4	3,0	10,50
5	Ngăn khử trùng	2,5	1,0	3,0	7,50

Ghi chú: Giai đoạn 2 sẽ xây dựng đơn nguyên với kích thước tương đương như giai đoạn 1.

- Quy trình vận hành: thường xuyên và liên tục
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine và than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ); bề tự hoại thuộc công trình xử lý chất thải

không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu khác: tiến hành trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy hoạch được phê duyệt (nhất là dải cây xanh cách ly xung quanh bể xử lý nước thải tập trung); tuyên truyền các hộ dân thực hiện tốt công tác thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn và thực hiện đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

3.3. Công trình xử lý mùi hôi từ bể tự hoại 5 ngăn xử lý nước thải của từng khu tái định cư:

- Công nghệ khử mùi như sau:

Mùi từ các bể xử lý → Hộp chứa than hoạt tính → Ống thoát khí (cao >5m).

- Thông số kỹ thuật:

+ Loại: hộp chứa than hoạt tính.

+ Vật liệu: nhựa

+ Kích thước: (0,3×0,5)m.

3.4. Báo cáo cơ quan chức năng và xử lý kịp thời khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

Phụ lục II**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Gia Lai)

1. Trồng và chăm sóc cây xanh trên mặt bằng cơ sở đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.
2. Giảm thiểu khí thải, mùi hôi từ các hoạt động của công trình xử lý nước thải.
3. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.
5. Sau khi tiếp nhận bàn giao quản lý, vận hành các địa phương có trách nhiệm tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
6. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới./.